

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 19-5-2021.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thành Đông.

- Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXX-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2021 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí T cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Trong quá trình chung sống vợ chồng tính cách vợ chồng không hoà hợp, ngoài ra ông T không lo bà và con nên bà về bên gia đình mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/2020 và từ đó bà và ông T không còn chung sống cho đến nay. Từ khi không còn chung sống đến nay bà và

ông T đều không liên lạc gì với nhau, bà cũng không còn tình cảm nên không thể hàn gắn được và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Như Kim H, sinh ngày 01/7/2019, con đang do bà L nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Công việc của bà hiện nay là công nhân may, lương trung bình từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T có lời khai: Năm 2018 ông và bà L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, bà L tự bỏ nhà đi. Nay ông yêu cầu được hàn gắn, không đồng ý ly hôn, về con ông yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nếu bà L yêu cầu nuôi con thì về cấp dưỡng ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, công việc của ông hiện nay là nhân viên ban quản lý chợ, lương 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi và buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Bà L yêu cầu ly hôn còn ông T yêu cầu được hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cũng như qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống bà L và ông T thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau, từ khi không còn chung sống cho đến nay hai người cũng không ai liên lạc để hoà giải, không quan tâm gì đến nhau, bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn ông T cũng không đến Toà án để hoà giải, tại phiên tòa bà L vẫn yêu cầu được ly hôn, không đồng ý hàn gắn vì không còn tình cảm, như vậy cho thấy mâu

thuần vợ chồng là trầm trọng, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà L được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Như Kim H, sinh ngày 01/7/2019, hiện con đang sống chung với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy cháu H còn nhỏ, đã sống ổn định với bà L nên giao cháu H cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do vậy cần buộc ông T cấp dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên mức cấp dưỡng bà L yêu cầu là cao so với thu nhập của ông T. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy buộc ông T cấp dưỡng nuôi con với mức 750.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có nợ chung, không có tài sản sản chung, không có ai có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng, ông Nguyễn Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng. theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Kim H, sinh ngày 01/7/2019 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chí T phải cấp dưỡng nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng là 750.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử, ngày 19/5/2021.

Ông Nguyễn Chí T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0008309 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà L đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng